

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/DS-ST

Ngày: 27.11.2018

V/v: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Trần Thúy Kiên
 2. Ông Tăng Văn Chính
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Công K** sinh năm 1978
Trú tại: khu vực Q, phường R, quận T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)
2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh B** sinh năm 1972
Hộ khẩu thường trú: khu vực A, phường U, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại: khu vực A, phường U, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15.6.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn anh Lê Công K trình bày:

Từ năm 2017 anh có chuyển tiền cho anh Lê Thanh B nhiều lần theo thỏa thuận nhằm mục đích để anh B tìm mua xe tải cho anh K. Theo đó, anh K chuyển tiền vào tài khoản của anh B 02 lần với tổng số tiền 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì anh B không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận mà bỏ trốn khỏi địa phương, không hoàn trả tiền cho anh K nên anh K khởi kiện, yêu cầu anh B có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã nhận, không yêu cầu tính lãi.

Đối với anh Lê Thanh B: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án số 153/2018/TB.TA ngày 13.8.2018, thông báo hòa giải số 410/2018/TB.TA ngày 03.9.2018, số 597/2018/TB.TA ngày 12.10.2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2018 ngày 23.10.2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 640/2018/QĐT-DS ngày 08.11.2018 nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

/ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

/ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Theo đó, buộc bị đơn anh Lê Thanh B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Lê Công K tổng số tiền 170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn anh Lê Công K với bị đơn anh Lê Thanh B có giao dịch hợp đồng dân sự trong việc anh K nhờ anh B tìm mua xe tải vào năm 2017. Theo đó, nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận nên bị đơn còn quản lý/giữ của nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Thanh B đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét giao dịch dân sự:* Theo trình bày của nguyên đơn và tại Công văn phúc đáp của ngân hàng S phòng giao dịch T thì vào năm 2017, anh B có nhận tiền của anh K bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng S phòng giao dịch T. Nên có cơ sở khẳng định giữa anh K với anh B có giao dịch dân sự là sự thật.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Về số tiền nợ gốc: Theo nguyên đơn anh Lê Công K trình bày, vào năm 2017 nguyên đơn có chuyển tiền cho bị đơn anh Lê Thanh B 02 lần với tổng số tiền 170.000.000 đồng theo thỏa thuận giữa các bên để anh B có nghĩa vụ tìm mua xe tải

cho anh K. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền từ anh K thì anh B không thực hiện cam kết, không mua được xe cho anh K mà còn bỏ trốn khỏi địa phương, anh K thực hiện nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không đòi được nợ nên anh khởi kiện yêu cầu anh B có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Tại Công văn phúc đáp số 03/2018/CNCT – PGDTN ngày 31.10.2018 của Ngân hàng S phòng giao dịch T (*bút lục: 43*) xác định vào tháng 11.2017 anh K có nhiều lần chuyển tiền cho anh B qua tài khoản giao dịch số 089078000010, cụ thể như sau: ngày 02.11.2017 chuyển 140.000.000 đồng; ngày 17.11.2017 chuyển 30.000.000 đồng. Tổng cộng 170.000.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Lê Thanh B, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh B không thực hiện việc tự khai và cũng không có bất kỳ ý kiến gì về nghĩa vụ trả tiền. Nay phát sinh tranh chấp đã dẫn đến phát sinh nghĩa vụ của đương sự.

Như phân tích trên, do anh B vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, không ý kiến gì về khoản tiền chiếm giữ cũng như việc đã thanh toán cho nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với anh B về các vấn đề liên quan. Do đó không có căn cứ thể hiện việc anh B đã thanh toán cho anh K số tiền trên nên có cơ sở khẳng định hiện nay anh B còn quản lý/giữ của anh Kháng số tiền 170.000.000 đồng là phù hợp. Do anh B không thực hiện theo đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc anh B có trách nhiệm hoàn trả cho anh K số tiền 170.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất tiền vay: Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng: để tạo điều kiện cho bị đơn có khả năng trả tiền nên nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất. Đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc không yêu cầu tính lãi và không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

./ Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: $5\% \times 170.000.000 \text{ đồng} = 8.500.000 \text{ đồng}$;

./ Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 92, điều 147, khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, điều 351 Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công K đối với bị đơn anh Lê Thanh B.

Buộc anh Lê Thanh B có trách nhiệm trả cho anh Lê Công K số tiền 170.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

./ Anh Lê Thanh B phải nộp 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

./ Anh Lê Công K được nhận lại tiền tạm ứng án phí 4.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/004221 ngày 07.8.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền